

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 135/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/11/2020
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Đỗ Kim Phụng

2/. Bà Phạm Thị Nhâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 476/2020/TLST-HN ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp TT, xã AT, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Ông Trương Văn V, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp TT, xã AT, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà S và ông V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị S và bị đơn ông Trương Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà S và ông V chung sống với nhau vào năm 1989, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, hôn nhân hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện, đến nay ông bà đã có con chung, nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu ông bà sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng cách đây vài năm thì ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính bà S nghi ngờ ông V thường

xuyên ngoại tình, từ đó ông bà thường xuyên cãi nhau và đã ly thân không chung sống với nhau từ cách đây khoảng 06 tháng. Hiện tại cả hai ông bà không thể hàn gắn được mâu thuẫn, bà S có yêu cầu xin được ly hôn với ông V, ông V cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S.

Về con chung: bà S và ông V thống nhất xác định ông bà có 02 người con chung là Trương Văn Tường, sinh năm 1994 và Trương Mộng Kha, sinh năm 1996. Hiện nay cả hai người con đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động chăm sóc cho bản thân. Khi ly hôn ông bà không yêu cầu xem xét về nghĩa vụ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà S và ông V xác định vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, khi ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: bà S và ông V chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông V.

Về con chung: bà S và ông V có hai người con là Trương Văn Tường, sinh năm 1994 và Trương Mộng Kha, sinh năm 1996. Hiện nay cả hai người con đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động chăm sóc cho bản thân, khi ly hôn ông bà không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do bà S và ông V không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình thì bà S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà S có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với ông V. Ông V có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Bà S và ông V có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà S và ông V.

[2] Về nội dung vụ án: bà S và ông V chung sống với nhau vào khoảng năm 1989, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đến nay ông bà đã có con chung nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân cách đây khoảng hơn 06 tháng. Quá trình tố tụng thì cả hai ông bà đều có mong muốn được ly hôn với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà S và ông V chung sống với nhau như vợ chồng mà không đi đăng ký kết hôn là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa bà S và ông V không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà S xin ly hôn với ông V thì Hội đồng xét xử không tuyên giải quyết cho bà S và ông V ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông V là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: bà S và ông V có hai người con là Trương Văn T, sinh năm 1994 và Trương Mộng K, sinh năm 1996. Hiện nay cả hai người con đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động chăm sóc cho bản thân, khi ly hôn ông bà không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà S và ông V không đặt ra yêu cầu, nên nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị S và ông Trương Văn V là vợ chồng.

2/. Về nuôi con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: bà Trần Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007870 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bà Trần Thị S và ông Trương Văn V biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng